TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 117/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 25-3-2025
V/v tranh chấp Hôn nhân và Gia đình".

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Anh

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Mai Khanh

Bà Bùi Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Nam - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Loan - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử công khai vụ án thụ lý số 424/2024/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2024 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn chị Trần Thị T, sinh năm 1995. Địa chỉ: Tổ dân phố N, phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt.

- Bị đơn anh Trần Hữu T1, sinh năm 1991. Địa chỉ cư trú trước khi xuất cảnh: Xóm V, xã H, huyện Đ, tỉnh Nghệ An.

Địa chỉ hiện nay: Nhật Bản. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, chị Trần Thị T trình bày:

Chị T và anh Trần Hữu T1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Nghệ An vào ngày 13/01/2020. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì mâu thuẫn do thường xuyên tranh cãi, bất đồng quan điểm. Đến tháng 10/2021, vợ chồng sống ly thân với nhau, sau đó anh T1 đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Do không liên lạc với nhau nên chị T không biết địa chỉ cụ thể của anh T1 tại Nhật Bản. Xét thấy tình cảm không còn nên chị T làm đơn đề nghị Toà án giải quyết cho ly hôn với anh T1.

Về con chung: Chị T và anh Trần Hữu T1 có 01 con chung là Trần Hữu Tiến Đ, sinh ngày 16/6/2020, hiện đang ở với chị T. Nếu ly hôn chị T đề nghị Toà án

giao con chung Trần Hữu Tiến Đ cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ: Chị T không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về phía anh Trần Hữu T1: Sau khi thụ lý vụ án Toà án đã gửi các văn bản tố tụng; thông báo thụ lý vụ án; yêu cầu anh Trần Hữu T1 có quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án; gửi quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh T1 theo thủ tục niêm yết công khai các văn bản trên theo quy định của pháp luật nhưng hiện tại anh Trần Hữu T1 vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến gì. Theo trình bày của ông Trần Hữu H và bà Đặng Thị D (bố, mẹ đẻ của anh T1) thì anh T1 hiện đang lao động ở Nhật Bản, có điện thoại về cho ông, bà nhưng không nói rõ địa chỉ cụ thể của anh T1; anh T1 đã biết việc chị T làm đơn ly hôn tại Tòa án. Đến ngày xét xử vụ án anh T1 không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu quan điểm:

- Về thẩm quyền thụ lý vụ án: Theo Công văn của Phòng Q Công an tỉnh N thì anh Trần Hữu T1 có thông tin xuất cảnh và hiện chưa có thông tin nhập cảnh nên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

- Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc thu thập chứng cứ và đương sự tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định, đảm bảo quyền, nghĩa vụ của họ. Theo ông Trần Hữu H và bà Đặng Thị D (bố, mẹ đẻ của anh T1) thì anh T1 hiện đang lao động ở Nhật Bản, mặc dù không biết nơi cư trú cụ thể, nhưng anh T1 thường xuyên gọi điện thoại về cho ông bà; anh T1 đã biết được việc chị T xin ly hôn nhưng không có văn bản trình bày ý kiến. Việc anh T1 vắng mặt được xác định cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo do đó đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định pháp luật và xử cho chị T được ly hôn với anh T1.

Về con chung: Giao con Trần Hữu Tiến Đ, sinh ngày 16/6/2020 cho chị Trần Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh Trần Hữu T1 có quyền yêu cầu thay đổi nuôi con theo quy định; chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự chưa yêu cầu nên dành quyền khởi kiện cho các đương sự khi có yêu cầu.

Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Trần Thị T trình bày anh Trần Hữu T1 đang ở Nhật

Bản nhưng không biết địa chỉ cụ thể. Tòa án đã tiến hành xác minh tại người thân của anh T1 là ông Trần Hữu H và bà Đặng Thị D thì được cung cấp thông tin hiện nay anh T1 đang đi xuất khẩu lao động ở Nhật Bản, mặc dù không biết nơi cư trú cụ thể, nhưng anh T1 thường xuyên gọi điện cho gia đình. Ngày 25/12/2024, Phòng Q, Công an tỉnh N có công văn số 5527/QLXNC(Đ1) cung cấp thông tin anh Trần Hữu T1 xuất cảnh ngày 01/3/2023 qua cửa khẩu N, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Do anh T1 trước khi xuất cảnh có địa chỉ cuối cùng tại tỉnh Nghệ An và hiện nay đang ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Hữu H và bà Đặng Thị D (bố, mẹ đẻ của anh T1) cung cấp hiện nay anh T1 đang đi xuất khẩu lao động ở Nhật Bản nhưng không biết địa chỉ cụ thể; anh T1 vẫn gọi điện thoại về cho gia đình và đã biết được chị T khởi kiện yêu cầu ly hôn tại Tòa án nhưng anh T1 không có ý kiến gì. Như vậy, anh T1 đã biết được chị T yêu cầu ly hôn nhưng vẫn không cung cấp địa chỉ, không có văn bản trình bày ý kiến và vắng mặt tại phiên tòa là thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo. Vì vậy, căn cứ Điều 207; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung: Chị T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên nội dung khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh Trần Hữu T1. Xét thấy, chị Trần Thị T, anh Trần Hữu T1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Hiện chị T ở Việt Nam, anh T1 ở nước ngoài, không thường xuyên liên lạc nên tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, giải quyết cho chị Trần Thị T được ly hôn anh Trần Hữu T1 là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Hữu Tiến Đ, sinh ngày 16/6/2020. Anh T1 đang ở nước ngoài không có điều kiện trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và chưa có ý kiến. Chị T đang có nguyện vọng được nuôi con chung, hiện con chung đang được chị T chăm sóc nuôi dưỡng. Vì vậy, giao con chung Trần Hữu Tiến Đ cho chị Trần Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện thực tế về việc nuôi con và đúng quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng: Chị Trần Thị T chưa yêu cầu, anh Trần Hữu T1 chưa có ý kiến nên Hội đồng xét xử chưa xem xét, giải quyết.

[5] Tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh Trần Hữu T1 vắng mặt chưa có ý kiến nên dành quyền khởi kiện cho các đương sự khi có yêu cầu.

[6] Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84, 122, 123, 127 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 37; Điều 40; Điều 147; Điều 207; Điều 227; Điều 228; Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Trần Thị T được ly hôn với anh Trần Hữu T1.

2. Về nuôi con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Giao con chung Trần Hữu Tiến Đ, sinh ngày 16/6/2020 cho chị Trần Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Chị Trần Thị T không yêu cầu anh Trần Hữu T1 cấp dưỡng nuôi con. Vì quyền lợi của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Dành quyền khởi kiện cho các đương sự khi có yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013356 ngày 18 tháng 10 năm 2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An. Chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị T vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ. Anh Trần Hữu T1 vắng mặt có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Hoàng Ngọc Anh